

Bản án số: 59/2024/KDTM-PT

Ngày: 28/3/2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Bà Vũ Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Kim Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2023/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Do bản án sơ thẩm số 2609/2023/KDTM-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2024/QĐPT-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2384/2024/QĐ-HPT ngày 29/02/2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Kỹ thuật Môi trường VA

Địa chỉ: Số 4E, Đường số 6, Khu phố 4, phường AP, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn HB và bà Hoàng Hồng M (theo Quyết định số 11/2023/QĐ-VAE ngày 01/02/2023 về việc ủy quyền thực quyền tố tụng, thi hành án).

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng và KT HG

Địa chỉ: Tầng 8, Khu phức hợp Cantavil An Phú, số A Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường AP, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Trần Huỳnh Hương G

Địa chỉ: A3-26.01 Imperia AP, phường AP, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

(Nguyên đơn có bà Hoàng Hồng M có mặt, bà Nguyễn HB vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/02/2023, Đơn đề nghị rút một phần đơn khởi kiện ngày 25/7/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty cổ phần Kỹ Thuật Môi Trường VA (gọi tắt là Công ty VA) có người đại diện theo ủy quyền là bà Hoàng Hồng M trình bày như sau:

Ngày 05/4/2021, Công ty VA Enviro ký kết Hợp đồng mua bán số 12020/2021/DA-VAE với Công ty TNHH Xây dựng và KT HG (gọi tắt là Công ty HG). Nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận Công ty VA cung cấp, lắp đặt hoàn thiện và hướng dẫn sử dụng Hệ thống quan trắc khí tự động, gồm các chỉ tiêu: Lưu lượng, Bụi tổng, SO₂, NO₂, NO, CO, O₂, Nhiệt độ và áp suất cho công trình Dongwha, Hà Nội Việt Nam tại Lô CN1.2, CN2, CN3, CN4.1, Khu công nghiệp Sông Công II, xã Tân Quang, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, tổng giá trị hợp đồng sau thuế là 2.303.400.000 đồng. Ngày 07/6/2021, Công ty VA tiến hành giao hàng hóa tại công trường theo Biên bản giao hàng hóa số 22/2021/BB-VAE với đại diện của Công ty HG. Ngày 16/6/2021, Công ty VA và Công ty HG ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt tính số 38/2021/BB-VAE-HAN. Ngày 03/3/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên ra Văn bản số 622/STNMT-BVMT xác nhận chủ đầu tư dự án đã đáp ứng đủ các điều kiện để vận hành và nhận tín hiệu kết nối từ trạm quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải tại ống khói lò hơi đã lắp đặt. Công ty VA chỉ mới xuất 02 hóa đơn gồm: Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 0001679 ngày 14/6/2021 và Hóa đơn số 0001712 ngày 22/6/2021 với giá trị là 1.842.720.000 đồng, tương đương 80 % giá trị hợp đồng, phần còn lại Công ty VA chưa xuất hóa đơn vì phía Công ty HG đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán công nợ. Thực hiện hợp đồng, ngày 22/4/2021, Công ty HG đã thanh toán số tiền 628.200.000 đồng; ngày 14/7/2021, Công ty HG thanh toán số tiền 753.840.000 đồng, cộng cả hai lần, Công ty HG đã thanh toán được số tiền 1.382.040.000 đồng. Ngày 31/10/2021, các bên ký kết Biên bản đối chiếu công nợ số 152/2021/BBVAE, HG xác nhận Công ty HG còn nợ lại số tiền 460.680.000 đồng. Sau khi ký Biên bản đối chiếu công nợ, ngày 18/5/2022, Công ty HG thanh toán thêm 78.301.000 đồng, còn nợ lại 382.379.000 đồng. Mặc dù đã rất nhiều lần Công ty VA gửi email nhắc nhở nhưng Công ty HG vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Nay Công ty VA yêu cầu Công ty HG trả số tiền còn lại 382.379.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất cơ bản, ngày tính tiền lãi kể từ ngày các bên ký Biên bản đối chiếu công nợ đến thời điểm xét xử. Thực tế thì số tiền mà Công ty

HG còn nợ lại là nhiều hơn nhưng vì chưa thu thập đủ tài liệu liên quan nên Công ty VA chỉ yêu cầu Công ty HG thanh toán số tiền còn lại đúng theo Hóa đơn thuê giá trị gia tăng số 0001679, Hóa đơn số 0001712 và Biên bản đối chiếu công nợ 382.379.000 đồng. Khoản tiền còn lại, sau này Công ty VA sẽ khởi kiện Công ty HG khi có đủ điều kiện.

Bị đơn - Công ty TNHH Xây dựng và KT HG vắng mặt nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được ý kiến trình bày.

Xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, đây là giao dịch mua bán và thanh toán tiền hàng; quan hệ pháp luật rõ ràng: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”; đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ thể hiện qua việc Công ty HG ký và đóng dấu xác nhận vào Biên bản đối chiếu công nợ số 152/2021/BBVAE ngày 29/10/2021; tài liệu, chứng cứ đầy đủ bảo đảm đủ căn cứ giải quyết vụ án và không phải thu thập chứng cứ. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 316, Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án không thuộc trường hợp phải có đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2609/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty CP Kỹ thuật Môi trường VA:

Buộc Công ty TNHH Xây dựng và KT HG có trách nhiệm trả cho Công ty CP Kỹ thuật Môi trường VA tổng số tiền là 423.675.932 (bốn trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi hai) đồng, gồm: Nợ gốc là 382.379.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/7/2023 là 41.296.932 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Về án phí:

- Công ty CP Kỹ thuật Môi trường VA không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty CP Kỹ thuật Môi trường VA số tiền tạm ứng án phí 19.556.388 (mười chín triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi tám) đồng theo Biên lai số AA/2023/0003340 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

- Công ty TNHH Xây dựng và KT HG phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.947.037 (hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi bảy) đồng. Công ty TNHH Xây dựng và KT HG chưa nộp tiền tạm ứng án phí.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ án thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/8/2023, Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 5140/2023/QĐ-SCBSBA, sửa chữa dòng 13 -15 từ trên xuống, trang số 7 của bản án về án phí như sau: "... Công ty TNHH Xây dựng và KT HG phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.473.518 (mười triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm mười tám đồng...)".

[3] Ngày 10/8/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 460/QĐKNPT-VKS-KDTM đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2609/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Nội dung kháng nghị như sau:

Về tố tụng:

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 4 năm 2021 thì Công ty TNHH Xây dựng và KT HG chưa đăng ký giải thể. Theo hồ sơ niêm yết, tổng đạt thể hiện tại thời điểm Toà án đi niêm yết, tổng đạt thì trụ sở công ty *"không còn hoạt động, không treo bảng hiệu"* và tại địa chỉ của người đại diện theo pháp luật *"không có mặt bà G tại địa chỉ trên, không rõ thời gian trở về"*. Do đó, Toà án đã tiến hành niêm yết tại địa chỉ trụ sở công ty và địa chỉ của người đại diện theo pháp luật ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mà không tiến hành xác minh tại địa chỉ trên người đại diện theo pháp luật có thực tế cư trú hay đã chuyển đi nơi khác mà đã tiến hành niêm yết, tổng đạt theo địa chỉ nêu trên là chưa thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết, tổng đạt hợp lệ để đảm bảo quyền và nghĩa vụ hợp pháp của bị đơn trong việc được nhận các văn bản tố tụng từ Tòa án.

Việc Tòa án chưa thực hiện việc xác minh địa chỉ thực tế của người đại diện theo pháp luật của bị đơn là vi phạm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 97, Điều 170, Điều 171, Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Căn cứ Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *"Viện kiểm sát tham gia các phiên họp sơ thẩm đối với các việc dân sự; phiên tòa sơ thẩm đối với những vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ ..."*. Theo đó, vụ án này thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, tuy nhiên Tòa án không thực hiện việc gửi hồ sơ qua Viện kiểm sát để Viện kiểm sát nghiên cứu, tham gia phiên tòa theo quy định là vi phạm Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 318 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, nếu xuất hiện tình tiết mới sau đây làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn thì Tòa án ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường:*

a) *Phát sinh tình tiết mới mà các đương sự không thống nhất do đó cần phải xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ hoặc cần phải tiến hành giám định...*". Theo đó, việc Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn đối với vụ án này là chưa phù hợp và

chưa đảm bảo về thời hạn giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về án phí:

Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 6, Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì: *“Đối với vụ án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và vụ án hành chính được giải quyết theo thủ tục rút gọn thì mức án phí bằng 50% mức án phí quy định tại mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này”*.

Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả với số tiền 20.947.037 đồng.

Như vậy: Án phí trong trường hợp này là: 10.473.518 đồng. Tuy nhiên, bản án tuyên Bị đơn phải đóng số tiền án phí là 20.947.037 đồng là chưa chính xác.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn không nhận được Quyết định kháng nghị. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không có ý kiến đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

[5.1] Về thời hạn kháng nghị: Ngày 25/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành bản án sơ thẩm. Ngày 04/8/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 10/8/2023, Viện Kiểm sát ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm. Ngày 11/8/2023, Tòa án nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát là đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 280 BLTTDS năm 2015.

[5.2] Về nội dung kháng nghị:

[5.2.1] Về tố tụng:

Về việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ đối với vụ án, do đó đã xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

- Căn cứ vào nội dung các biên bản tổng đạt đối với Thông báo thụ lý vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thấy rằng Tòa án phải thực hiện thủ tục niêm yết vì bị đơn và đại diện theo pháp luật của bị đơn không có mặt tại thời điểm tổng đạt, trụ sở công ty *“không còn hoạt động, không treo bảng hiệu”* và tại địa chỉ của người đại diện theo pháp luật *“không có mặt bà G tại địa chỉ trên, không rõ thời gian trở về”*. Như vậy, đương sự chưa rõ ràng về địa chỉ, do đó căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhận thấy không đủ điều kiện để áp dụng giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn trong trường hợp này.

- Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3770/2023/QĐXXST-KDTM ngày 04/7/2023, Tòa án quyết định “áp dụng thủ tục rút gọn” nhưng không đưa Viện kiểm sát vào thành phần người tiến hành tố tụng là chưa đảm bảo thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ngoài ra, xét về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thụ lý giải quyết theo thủ tục rút gọn, nhưng từ ngày Tòa án thụ lý (ngày 19/5/2023) đến ngày ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử (ngày 04/7/2023), là đã quá thời hạn 01 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, là không đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục rút gọn.

[5.2.2] Về nội dung:

- Về án phí: Bản án xác định bị đơn “phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.947.037 (hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi bảy) đồng”. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức kháng nghị đối với nội dung này.

- Ngày 04/8/2023, Thẩm phán ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án như sau: Bị đơn “phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.473.518 (mười triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm mười tám) đồng”. Quyết định này được gửi cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vào ngày 23/8/2023.

Nhận thấy: Căn cứ theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì: *“Đối với vụ án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và vụ án hành chính được giải quyết theo thủ tục rút gọn thì mức án phí bằng 50% mức án phí quy định tại mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này”*. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả số tiền 20.947.037 đồng, thì án phí trong trường hợp này là 10.473.518 đồng. Tuy nhiên, bản án tuyên bị đơn phải đóng số tiền án phí là 20.947.037 đồng là chưa chính xác.

Sau khi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức kháng nghị, Thẩm phán mới thực hiện sửa chữa, bổ sung. Việc sửa chữa sau kháng nghị và không thực hiện đúng chính bởi Hội đồng xét xử là không đúng quy định tại Điều 268 BLTTDS năm 2015, nên không chấp nhận đối với phần sửa chữa này.

[5.3] Kết luận:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức theo hướng hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

- Kiến nghị khắc phục vi phạm: Tại thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Tòa án chưa tiến hành niêm yết tại trụ sở Tòa án là vi phạm quy định tại Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm đối với vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Ngày 25/7/2023, Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn.

Ngày 10/8/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2609/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức. Căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức còn trong thời hạn kháng nghị. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà Kinh tế Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Xét nội dung Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào biên bản giao giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Thừa phát lại ghi nhận, tại thời điểm tổng đạt thì bị đơn “*không còn hoạt động, không treo bảng hiệu*” và tại địa chỉ của người đại diện theo pháp luật “*không có mặt bà Giang tại địa chỉ trên, không rõ thời gian trở về*”. Theo kết quả xác minh của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện nay Công ty TNHH Xây dựng và KT HG không còn thực tế hoạt động tại địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chưa đăng ký giải thể; người đại diện theo pháp luật của công ty là bà Trần Huỳnh Hương G không thực tế cư trú tại địa chỉ thường trú, chuyên đi đâu không rõ. Do đó, vụ án thuộc trường hợp phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về địa chỉ/cư trú của đại diện theo pháp luật công ty, tình trạng hoạt động của công ty thì mới thực hiện việc tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn mới đúng theo quy định.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Viện Kiểm sát cùng cấp phải có mặt tại phiên toà xét xử theo thủ tục rút gọn, vì vậy việc Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức ghi tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số 3770/2023/QĐXXST-KDTM ngày 04/7/2023 và Bản án số 2609/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 vụ án không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên toà theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 là vi phạm thủ tục tố tụng.

Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, không xác minh thu thập chứng cứ, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, kháng nghị của viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trong bản án sơ thẩm số 2609/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 đã tuyên bị đơn “phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.947.037 (hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi bảy) đồng”.

Ngày 04/8/2023, Tòa án thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 5140/2023/QĐ-SCBSBA, theo đó đã sửa chữa phần tuyên về án phí từ dòng thứ 13-15 từ trên xuống, trang số 7 như sau: “Công ty TNHH Xây dựng và KT HG phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.473.518 (mười triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm mười tám) đồng”.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Sau khi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức kháng nghị, Thẩm phán mới thực hiện sửa chữa, bổ sung. Việc sửa chữa sau kháng nghị và không thực hiện đúng chính bởi Hội đồng xét xử là không đúng quy định tại Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên không chấp nhận đối với phần sửa chữa này.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định sửa chữa bổ sung bản án như trên là đúng, tuy nhiên Tòa án thành phố Thủ Đức đã không gửi ngay cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức mà đến ngày 23/8/2023 mới gửi (theo Biên bản giao nhận của Tòa án – bút lục số 80). Tòa án thành phố Thủ Đức cần rút kinh nghiệm, lưu ý thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Ngoài những vi phạm về thủ tục tố tụng như trên theo kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức thì Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức còn cần lưu ý các vấn đề về thủ tục tố tụng khác trong hồ sơ như sau:

- Đối với thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Tòa án không thực hiện việc niêm yết bản chính các văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là vi phạm thủ tục tố tụng.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hạn ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn là không quá 01 tháng kể từ ngày thụ lý vụ án và mở phiên toà xét xử trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định mở phiên toà xét xử. Tuy nhiên thời hạn ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã quá thời hạn theo luật quy định.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có căn cứ nên chấp nhận đề nghị kháng nghị, huỷ bản án sơ thẩm số 2609/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 460/2023/KDTM-ST ngày 10/8/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng Điều 30, Điều 38, Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2609/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Đoan Trang